

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2013/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 04 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015; điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp, dự án, công trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KONTUM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 07/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015 và đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp tình hình từ nay đến năm 2015; Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 07/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011 - 2015 và điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp và danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2011-2015.

1. Về tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh giai đoạn 2011 - 2013:

Giai đoạn 2011-2013, mặc dù kinh tế thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn. Chính phủ thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, tập trung tái cơ cấu ngân hàng, đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng vượt bậc của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2013 đã đạt được những thành tựu quan trọng: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm tương đối khá, bình quân giai đoạn 2011-2013 ước đạt 13,67%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; thu ngân sách đạt dự toán; sản phẩm chủ lực của tỉnh được chú trọng phát triển; công nghiệp và thương mại - dịch vụ đạt kết quả khá; ba vùng kinh tế động lực được đầu tư, phát triển và đang trở thành tâm điểm thu hút các nhà đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; tốc độ giảm nghèo đạt mục tiêu kế hoạch; quốc phòng an ninh được giữ vững; hợp tác kinh tế, đối ngoại địa phương được mở rộng.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; kết quả giảm nghèo chưa vững chắc; tiến độ xây dựng nông thôn mới chưa đạt yêu cầu; tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn; giải quyết thủ tục hành chính ở một số khâu, lĩnh vực chưa kịp thời, chỉ số năng lực cạnh tranh và quản trị hành chính công của tỉnh sụt giảm; đời sống của một bộ phận nhân dân vẫn còn khó khăn; tình trạng khai thác lâm sản, khoáng sản, xây dựng trái phép chưa được ngăn chặn triệt để; an ninh - chính trị còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp lớn cần tập trung thực hiện từ nay đến năm 2015:

Để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015 trong những năm tiếp theo phải tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa và đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện, phấn đấu đạt ở mức cao nhất đối với các chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*kế hoạch trên 15%*); cơ cấu tổng sản phẩm giữa các ngành; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề (*kế hoạch 33%*); kim ngạch xuất khẩu (*kế hoạch 130 triệu USD*); tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (*kế hoạch 20%*); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (*kế hoạch trên 90%*); tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao (*kế hoạch trên 45%*); tỷ lệ cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường (*kế hoạch trên 90%*); đồng thời, chú trọng một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

a. Lĩnh vực kinh tế

Đẩy nhanh tiến độ lập và thực hiện các quy hoạch đã phê duyệt; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm

chủ lực, về xây dựng nông thôn mới. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch; tiếp tục triển khai Đề án chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo, giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thu hút đầu tư, nhất là vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, giải quyết thủ tục đất đai theo quy định, tạo điều kiện để các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án.

Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Trung ương và tích cực huy động nguồn lực của các doanh nghiệp để đầu tư và khai thác, phát huy có hiệu quả các khu, cụm công nghiệp Hòa Bình, Sao Mai, Đắk Tô, Đắk La, các tuyến, điểm du lịch và các cơ sở chế biến nông, lâm sản, bột giấy, cao su, cà phê...

Rà soát, xác định danh mục các công trình thiết yếu để tập trung huy động, thu hút vốn đầu tư và đẩy nhanh tiến độ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng Khu đô thị Nam Đắk Blá, Khu hành chính mới của tỉnh; Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y; vùng du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen và đô thị Kon Plong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phát triển theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn, mạng lưới phân phối, bán lẻ ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ban hành danh mục thu hút vốn FDI, danh mục dự án đầu tư theo hình thức PPP, vận động vốn ODA; triển khai, mở rộng hợp tác phát triển kinh tế, thương mại giữa Kon Tum, Quảng Ngãi, Bình Định (Việt Nam) với các tỉnh trên hành lang tuyến Champasak, Sê Kông, Attapur (Lào), Ubon Rachathani, Sisaket (Thái Lan); hợp tác toàn diện với các tỉnh Tây Nguyên, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tạo nguồn lực phát triển.

b. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; duy trì và nâng cao hiệu quả chống tái mù chữ; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xây dựng trường chất lượng cao, trường phổ thông dân tộc bán trú; củng cố và hoàn thiện hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục; hoàn thiện mạng lưới cơ sở dạy nghề; thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Chú trọng đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, nhất là đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Củng cố tổ chức và tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở; kết hợp chặt chẽ quân - dân y trong khám, chữa bệnh cho nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng. Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, y đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y. Khuyến khích phát triển cơ sở y tế ngoài công lập. Tổ chức triển khai thực hiện tốt đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam".

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch; thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; đẩy nhanh việc khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, di tích lịch sử cách mạng; nghiên cứu sưu tầm, phục hồi các di sản văn hóa và chữ viết của dân tộc thiểu số. Tăng cường thông tin tuyên truyền trong dịp các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh.

Triển khai thực hiện quyết liệt chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; các chương trình, dự án giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần thực hiện tốt công tác giảm nghèo và chống tái nghèo bền vững. Nâng cao chất lượng tái định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, giải quyết vấn đề dân di cư tự do; giải quyết căn bản vấn đề về đất đai, ưu tiên giải quyết đất ở và đất sản xuất cho các hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo và cận nghèo. Huy động nguồn lực đầu tư khắc phục 28 thôn, làng hiện chưa có điện sinh hoạt.

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân; quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và người nghèo, hộ nghèo.

c. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015; phát triển quỹ đất, mở rộng không gian đô thị thành phố Kon Tum; rà soát quỹ đất của các đơn vị lâm nghiệp đang quản lý để có phương án xử lý cho phù hợp.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản theo quy hoạch; rà soát điều chỉnh quy hoạch các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kiên quyết loại bỏ khỏi danh mục dự án đầu tư đối với các công trình có tác động tiêu cực tới môi trường, chiếm diện tích đất sản xuất lớn, hiệu quả đầu tư thấp. Có biện pháp ngăn ngừa xử lý các hành vi hủy hoại, gây ô nhiễm môi trường.

d. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh; kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm.

Tăng cường thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch và đột xuất về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội; kịp thời phát hiện và xử lý đối với những hành vi vi phạm. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nâng cao hiệu lực thi hành các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra. Thực hiện công khai, minh bạch trong các lĩnh vực quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm công... tại các cơ quan, đơn vị nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh, nhất là những vụ khiếu kiện đông người liên quan đến đất đai,

tải nguyên, bảo vệ môi trường,... Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ, việc phức tạp gây dư luận bức xúc trong nhân dân.

e. Tăng cường quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại

Làm chủ tình hình, kịp thời phát hiện và xử lý có hiệu quả những vấn đề liên quan đến an ninh - chính trị; kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong dân. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về xây dựng thể trận quân sự địa phương, quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; xây dựng và tổ chức diễn tập các phương án phòng chống biểu tình - bạo loạn - khủng bố, không để bị động, bất ngờ. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh nông thôn, ngăn chặn có hiệu quả tội phạm trong thanh thiếu niên.

Tăng cường bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, kiểm tra, kiểm soát tốt các hoạt động xuất nhập khẩu, nhập cảnh qua biên giới, cửa khẩu. Thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, đối ngoại địa phương; đồng thời tăng cường quan hệ với chính quyền và phối hợp tốt với các lực lượng bảo vệ biên giới với các tỉnh giáp biên của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

Quản lý chặt chẽ về biên giới lãnh thổ, chống xâm nhập, vượt biên, di cư tự do... Hoàn chỉnh hồ sơ về hoàn thành công tác tăng dày và tôn tạo mốc quốc giới Việt Nam - Lào, phân giới cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia.

3. Điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015.

3.1. Nhóm các dự án, công trình điều chỉnh nguồn vốn: 16 dự án, công trình (Phụ lục số 01).

- Tổng mức đầu tư:	3.417.059 triệu đồng;
+ Nhu cầu vốn còn lại:	2.733.087 triệu đồng;
* Trong đó: + Giai đoạn 2014-2015:	1.170.715 triệu đồng;
+ Sau năm 2015:	1.562.372 triệu đồng.

3.2. Nhóm các dự án, công trình bổ sung giai đoạn 2011-2015: 37 dự án, công trình (Phụ lục số 02), với tổng mức đầu tư: 7.154.947 triệu đồng. Trong đó:

- Nhóm 1: Chính sách mới của trung ương:	1.800.303 triệu đồng;
+ Nhu cầu còn lại:	1.800.303 triệu đồng;
* Trong đó: Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011-2015:	1.450.213 triệu đồng.
- Nhóm 2: Danh mục dự án thuộc các chương trình mục tiêu của Chính phủ chưa có trong Kế hoạch 5 năm:	1.978.647 triệu đồng.
+ Nhu cầu còn lại:	1.978.647 triệu đồng;
* Trong đó: Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011-2015:	1.978.647 triệu đồng;
- Nhóm 3: Công trình cấp bách của địa phương:	3.375.997 triệu đồng;
+ Nhu cầu còn lại:	3.375.997 triệu đồng;
* Trong đó: Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011-2015:	887.370 triệu đồng.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể vận động quần chúng, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua./.

Nơi nhận: *hml*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản pháp luật);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Quốc phòng (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



[Signature]
Hà Ban



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015 ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư giai đoạn 2011 - 2013	Nhu cầu vốn còn lại	Trong đó		Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
						Giai đoạn 2014 - 2015	Sau 2015	Theo Quyết định 45/2010/QĐ-UBND	Đề nghị điều chỉnh	
			3.417.059	647.241	2.733.087	1.170.715	1.562.372			
1	Công viên giọt nước ĐắkBla	Kon Tum	30.250	16.700				Vốn cân đối NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	Dừng
2	Trường Trung học nghề tỉnh	Kon Tum	37.919	21.054				TW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn NSDP	Dừng
3	Đường Nam Quảng Nam giai đoạn II (phần đoạn Km 160+944 - Km 165 và Km 192+507 - Km 209)	Tu Mơ Rông	476.000		476.000	50.000	426.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
4	Đường Tu Mơ Rông - Ngọc Yếu	Tu Mơ Rông	114.928	92.504	22.000	22.000		Trái phiếu Chính phủ	Trái phiếu Chính phủ + Huy động khác	
5	Đường từ trung tâm huyện đến xã Đắk Xú huyện Ngọc Hồi (đường trục chính của huyện)	Ngọc Hồi	219.027		219.027	100.000	119.027	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
6	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng lũ, nối dài từ Km 27 TL 678 đến đường Hồ Chí Minh	2 huyện	570.000		570.000	100.000	470.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
7	Đường cứu hộ cứu nạn từ trung tâm thị trấn Đắk R'Ve đi xã Tân Lập, Đắk Ruồng, Đắk Tô Re huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	350.000	15.000	335.000	150.000	185.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
8	Đường giao thông tránh lũ từ thôn 10 xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà đi thôn 2 xã Diễn Bình, huyện Đắk Tô	Đắk Hà	275.970	177.000	98.970	98.970		Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
9	Đường từ thôn 10, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà đi xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông	Đắk Hà	200.000		200.000	100.000	100.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
10	Đường Đắk Ruồng - Đắk Kôi (Đường giao thông quốc lộ 24 - Đắk Kôi, Km0 - Km 28, huyện Kon Rẫy)	Kon Rẫy	270.000	100.000	170.000	73.000	97.000	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	
11	Đường Rơ Manh - Đắk Rìng	Kon Plông	172.000		172.000	172.000		Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
12	Kè chống sạt lở sông ĐắkBla (đoạn qua làng Plei Đôn và Kon Rô Bàng TP Kon Tum)	Kon Tum	351.193	197.850	153.345	153.345		Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu + Huy động khác	
13	Kè chống sạt lở sông bờ sông Đắk Tô Kam - Đắk Tô	Đắk Tô	100.000		100.000	50.000	50.000	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
14	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	Kon Tum	30.542	23.250	1.400	1.400		TW hỗ trợ có mục tiêu	TW hỗ trợ có mục tiêu + Ngân sách địa phương	
15	Nâng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh	Kon Tum	109.228	1.950	107.278	50.000	57.278	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	
16	Nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	110.000	1.933	108.067	50.000	58.067	Trái phiếu Chính phủ	Huy động khác	





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ KIẾN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015
(Bàn hành kèm theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 04/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu còn lại	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011 -2015						Dự kiến về nguồn vốn cụ thể để huy động đầu tư cho dự án
					Tổng số	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
						Vốn NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	TPCP	vốn nước ngoài (ODA)	Huy động khác	
	Tổng số		7.154.947	7.154.947	4.316.230	397.802	1.749.728		1.161.213	1.007.487	
I	Chính sách mới của TW		1.800.303	1.800.303	1.450.213	34.000	255.000		1.161.213		
1	Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Kon Tum	6 huyện	550.000	550.000	330.000		30.000		300.000		Đã có chủ trương đầu tư của Trung ương nhưng chưa có trong kế hoạch 5 năm
2	Kê chống lũ lụt đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông Đăk Bla (đoạn từ làng Plei Groi đến làng Kon Klor 2 và từ làng Kon Hra Chót đến làng Kon Tum Kơ Pong)	Kon Tum	895.213	895.213	895.213	34.000			861.213		Đầu tư từ chương trình biến đổi khí hậu, đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1443/TTg-QHQT
3	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	125.000	125.000	75.000		75.000				Dự kiến vốn đầu tư theo Quyết định 293/QĐ-TTg; Chính sách mới của TW
4	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Sa Thầy	Sa Thầy	105.090	105.090	75.000		75.000				Dự kiến vốn đầu tư theo Quyết định 293/QĐ-TTg; Chính sách mới của TW
5	Các dự án thuộc Đề án thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, huyện Đăk Glei	Đăk Glei	125.000	125.000	75.000		75.000				Dự kiến vốn đầu tư theo Quyết định 293/QĐ-TTg; Chính sách mới của TW
II	THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ NHƯNG CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM		1.978.647	1.978.647	1.978.647	343.802	826.634			808.211	
1	Dự án đầu tư Nghề trọng điểm thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2011 - 2015 vùng Tây Nguyên tại Trường Trung cấp nghề Kon Tum	Kon Tum	20.000	20.000	20.000		20.000				Vốn CTMTQG theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ
2	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp		312.735	312.735	312.735		42.000			270.735	
	Cụm công nghiệp Thanh Trung, thành phố Kon Tum	Kon Tum	86.627	86.627	86.627		6.000			80.627	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp, Trung ương đã hỗ trợ vốn nhưng chưa có trong kế hoạch 5 năm
	Cụm Công nghiệp TTCN Đăk Hno, thành phố Kon Tum	Kon Tum	26.108	26.108	26.108		6.000			20.108	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp
	Cụm công nghiệp huyện Kon Plang	Kon Plang	28.000	28.000	28.000		6.000			22.000	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp
	Cụm công nghiệp Đăk Xú	Ngọc Hồi	25.000	25.000	25.000		6.000			19.000	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu còn lại	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011 -2015						Dự kiến về nguồn vốn cụ thể để huy động đầu tư cho dự án
					Tổng số	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
						Vốn NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	TPCP	vốn nước ngoài (ODA)	Huy động khác	
	Cụm công nghiệp thị trấn Plei Kản	Ngọc Hồi	15.000	15.000	15.000		6.000			9.000	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp, Trung ương đã hỗ trợ vốn nhưng chưa có trong kế hoạch 5 năm
	Cụm công nghiệp Mô Pá	Tu Mơ Rông	20.000	20.000	20.000		6.000			14.000	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp
	Cụm công nghiệp Đắk La	Đắk Hà	112.000	112.000	112.000		6.000			106.000	Nguồn hạ tầng cụm công nghiệp
3	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015	Toàn tỉnh	376.073	376.073	376.073	258.063	118.010				Đầu tư từ nguồn bảo vệ và phát triển rừng bền vững, các dự án đã được Trung ương thẩm định nguồn vốn và bố trí vốn từ KH 2012
4	Các dự án đầu tư theo nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương		343.600	343.600	343.600	1.300	139.824			202.476	
	Đầu tư hạ tầng Trung tâm sản xuất giống cá nước lạnh Măng Đen	Kon Plong	13.000	13.000	13.000	1.300	11.700				Dự kiến đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng giống thủy sản (hiện nay trong kế hoạch 5 năm không có dự án đảm bảo mục tiêu của nguồn vốn)
	Tượng đài trung tâm huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	4.790	4.790	4.790		4.790				Dự kiến đầu tư từ nguồn vốn huyện mới chia tách
	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh đi xã Đắk Đắk Ang (*)	Ngọc Hồi	45.557	45.557	45.557		27.334			18.223	Đầu tư từ nguồn hạ tầng KKT cửa khẩu đã bố trí trong kế hoạch 2013, vốn huy động khác 18,2 tỷ đồng (tận dụng lại cầu dân thép Benley - cầu Kon BRãi trên Quốc lộ 24)
	Đường giao thông từ xã Đắk Tơ Re đi làng Kon Long Buk, Kon Xom Luk và làng Kon Đơ Xing huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	96.000	96.000	96.000		96.000				Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư theo chương đường cứu hộ cứu nạn và các nguồn vốn hợp pháp khác
	Kè chống sạt lở suối Đắk Sĩa đoạn qua xã Sa Nhơn, xã Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thầy	Sa Thầy	184.253	184.253	184.253					184.253	Huy động vốn đầu tư theo chương trình chống sạt lở để kè cấp bách, và các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Đầu tư hạ tầng tại Khu du lịch Măng Đen		206.900	206.900	206.900		206.900				
	Đường Từ khu trung tâm hành chính huyện đi khu du lịch dịch vụ chất lượng cao phía Tây đô thị Kon Plong	Kon Plong	96.300	96.300	96.300		96.300				Dự kiến đầu tư từ nguồn vốn hạ tầng du lịch (thực hiện Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch Vùng Du lịch Măng Đen)
	Hồ Cảnh quan và phục vụ nước sinh hoạt Kon Tu Răng	Kon Plong	60.600	60.600	60.600		60.600				Dự kiến đầu tư từ nguồn vốn hạ tầng du lịch (thực hiện Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch Vùng Du lịch Măng Đen)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu còn lại	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011 -2015						Dự kiến về nguồn vốn cụ thể để huy động đầu tư cho dự án
					Tổng số	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
						Vốn NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	TPCP	vốn nước ngoài (ODA)	Huy động khác	
	Trung tâm hội nghị khu vực tại Măng Đen	Kon Plong	50.000	50.000	50.000		50.000				Dự kiến đầu tư từ nguồn vốn hạ tầng du lịch (thực hiện Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch Vùng Du lịch Măng Đen)
6	Các công trình đã có chủ trương của Thường trực HDND tỉnh		419.439	419.439	419.439	84.439				335.000	
	Đường giao thông liên xã từ thôn 5 xã Đăk Mư đi thôn 11 xã Đăk Hring	Đăk Hà	133.000	133.000	133.000	48.000				85.000	Đã bố trí 48 tỷ từ 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (phần nộp NSTW); phần vốn còn lại từ nguồn thu tiền sử dụng đất của dự án và các nguồn vốn khác của TW (dự phòng, tăng thu, kết dự ngân sách...)
	Đập thủy lợi thôn 7, xã Đăk Hring huyện Đăk Hà	Đăk Hà	250.000	250.000	250.000					250.000	Công trình cấp bách của địa phương, đề nghị hỗ trợ đầu tư qua các nguồn vốn của
	Nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Kon Tum	Kon Tum	36.439	36.439	36.439	36.439					Nguồn thu từ xổ số kiến thiết; xây dựng bổ sung để đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định; kế hoạch 2013 đã bố trí 10,7 tỷ đồng
7	Cum thủy lợi Măng Bút, huyện Kon Plong	Kon Plong	299.900	299.900	299.900		299.900				Công trình cấp bách của địa phương, đề nghị hỗ trợ đầu tư qua các nguồn vốn của Bộ, ngành Trung ương
III	CÔNG TRÌNH CẤP BÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG		3.375.997	3.375.997	887.370	20.000	668.094			199.276	
1	Các dự án phụ vụ di chuyển trung tâm hành chính		1.537.860	1.537.860	419.233	20.000	249.957			149.276	
	Quảng trường trung tâm huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	15.681	15.681	15.681		15.681				Dự kiến đầu tư từ nguồn Nghị quyết 10 (Sau khi di chuyển về vị trí mới, huyện Kon Rẫy chưa có hội trường)
	Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Kon Tum	236.767	236.767	99.000		49.500			49.500	Vùng động lực, để khai thác được quỹ đất khu vực dự án đầu tư, dự kiến đề nghị TW hỗ trợ 50% từ nguồn nghị quyết 10 phần còn lại khai thác từ quỹ đất
	Đường bao khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Kon Tum	250.412	250.412	99.552		49.776			49.776	Vùng động lực, để khai thác được quỹ đất khu vực dự án đầu tư, dự kiến đề nghị TW hỗ trợ 50% từ nguồn Nghị quyết 10 phần còn lại khai thác từ quỹ đất
	Đường bao phía Tây thị trấn Plei Kán (điểm đầu giáp với đường Nguyễn Sinh sắc, điểm cuối giáp với đường N5)	Ngọc Hồi	85.000	85.000	85.000		85.000				Vùng động lực, dự kiến đầu tư từ nguồn Nghị quyết 10

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu còn lại	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011 -2015						Dự kiến về nguồn vốn cụ thể để huy động đầu tư cho dự án
					Tổng số	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					
						Vốn NSDP	TW hỗ trợ có mục tiêu	TPCP	vốn nước ngoài (ODA)	Huy động khác	
	Cơ sở hạ tầng tại Khu Trung tâm hành chính mới của tỉnh	Kon Tum	950.000	950.000	120.000	20.000	50.000			50.000	Dự kiến Ngân sách địa phương 20 tỷ; vốn hỗ trợ đặc thù từ ngân sách Trung ương để di dời Trung tâm hành chính: 50 tỷ và từ nguồn chuyển nhượng đất và tài sản trên đất đối với các cơ quan di chuyển: 50 tỷ đồng (chủ trương mới của tỉnh)
2	Các công trình liên kết nối vùng để định hướng nâng cấp thành tỉnh lộ, quốc lộ		382.476	382.476	382.476		382.476				
	Đường từ cầu Đắk Ang đến xã Đắk Rơ Ngà (*)	Đắk Tô	18.000	18.000	18.000		18.000				Dự kiến đầu tư từ nguồn Nghị quyết 10
	Đường GTNT từ xã Đắk La đi xã Ngọc Ráo, huyện Đắk Hà	Đắk Hà	120.000	120.000	120.000		120.000				Các dự án có tính liên kết vùng; Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách của địa phương
	Đường giao thông tránh lũ từ xã Đắk Hring huyện Đắk Hà đi xã Diên Bình và thị trấn Đắk Tô	Đắk Tô	150.000	150.000	150.000		150.000				Các dự án có tính liên kết vùng; Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách của địa phương
	Đường GTNT từ xã Đắk Tô Re huyện Kon Rẫy đi xã Ngọc Ráo huyện Đắk Hà	Kon Rẫy	94.476	94.476	94.476		94.476				Các dự án có tính liên kết vùng; Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách của địa phương
3	Các công trình bậc xúc khác		1.455.661	1.455.661	85.661		35.661			50.000	
	Đường giao thông từ Sa Nghĩa đi xã Hơ Moong	Sa Thầy	35.661	35.661	35.661		35.661				Dự kiến đầu tư từ nguồn Nghị quyết 10
	Đầu tư bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh	Tư Mơ Rông	1.420.000	1.420.000	50.000					50.000	Dự kiến đầu tư từ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương thông qua Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Ghi chú (*) Công trình có tính kết nối, sau khi đầu tư thông tuyến 02 dự án này, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục kiến nghị với Trung ương nâng cấp tuyến đường Nam Quảng Nam (Tam Kỳ - Tắc Pô, Đắk Tô, Cửa khẩu Bờ Y) thành quốc lộ, trong đó có đi qua 02 dự án này.